

Số: **292/2021/QĐST-HNGĐ**

Y, ngày xx tháng x năm 20xx.

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ điều 55, điều 57, điều 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 302/2021/TLST- HNGĐ ngày xx tháng x năm 20xx về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

**Chị Nguyễn Thị B**, sinh năm 19xx.

HKTT và nơi cư trú: X, dự án khu nhà ở Bộ tư lệnh K, phường A, quận B, thành phố Hà Nội.

Nơi làm việc: Công ty TNHH W, địa chỉ: A, đường D, phường E, quận Y, thành phố Hà Nội.

**Và anh Phạm Thành Đ**, sinh năm 19xx.

HKTT và nơi cư trú: B, dự án khu nhà ở Bộ tư lệnh K, phường A, quận B, thành phố Hà Nội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thuận tình ly hôn, con chung và tài sản chung ngày xx tháng x năm 20xx là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Phạm Thành Đ nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị B và anh Đ có 02 con chung là Phạm Thành Hải A, sinh ngày xx/x/20xx và Phạm Thu H, sinh ngày xx/x/20xx. Sau khi ly hôn anh Đ là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Thành Hải A, chị B là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Thu H không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Chị B và anh Đ được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, nhà đất chung: Chị B và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Chị B và anh Đ không yêu cầu Tòa giải quyết.

2 . Về lệ phí Tòa án: Chị B và anh Đ mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Anh chị đã nộp dự phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006739 ngày xx/x/20xx của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhân:**

- Dương sự;
- VKSND Q. Y;
- THADS quận Y;
- UBND xã J, huyện L, tỉnh M. Giấy CNKH
- Y ngày 01/12/2004;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thị An**